

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nội dung ôn tập môn Kiến thức chung
và môn Nghiệp vụ chuyên ngành trong kỳ thi tuyển công chức năm 2017

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2017;

Căn cứ Quyết định số **1638**/QĐ-UBND ngày **21**/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ và Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung ôn tập môn Kiến thức chung và môn Nghiệp vụ chuyên ngành trong kỳ thi tuyển công chức năm 2017 (có danh mục tài liệu ôn thi kèm theo).

Điều 2. Giao trách nhiệm:

1. Sở Nội vụ phát hành tài liệu ôn thi môn Kiến thức chung;
2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh phát hành tài liệu ôn thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành cho thí sinh đăng ký dự thi tại các đơn vị và các phòng chuyên môn cấp huyện do các sở, ban, ngành cấp tỉnh chỉ đạo về chuyên môn.

Điều 3. Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thành viên Hội đồng tuyển dụng;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: HĐTD, NV.



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Dung



PROG. CIV. TERC. ORGA. 1144
Instituto Brasileiro de



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH

Chuyên ngành: Dân tộc

(Ban hành kèm theo Quyết định số **127/QĐ-HĐTD** ngày **25/7/2017**
của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)

1. Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030;
2. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;
3. Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Chính Phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020;
4. Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;
5. Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2011 về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;
6. Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam đến 2020”;
7. Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số;
8. Quyết định số 12/2016/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2012 và Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2014 Thủ tướng Chính phủ;
9. Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020;

10. Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;

11. Quyết định số 2561/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tăng cường vai trò của Người có uy tín trong vùng Dân tộc thiểu số;

12. Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

13. Thông tư liên tịch số 07/2014/TTLT-UBDT-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

14. Quyết định 1727/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2013 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công nhận kết quả điều tra, khảo sát và đối chiếu tiếng nói, chữ viết của người dân tộc thiểu số Pa Cô - Tà Ôi và Cơ Tu;

15. Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế.



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN KIẾN THỨC CHUNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số **127/QĐ-HĐTD** ngày **25/7/2017**
của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)

I. Hiến pháp nước CHXHCNVN năm 2013:

Chương V, VI, VII, VIII, IX.

II. Luật Cán bộ, công chức:

- Chương I. Những quy định chung: Điều 1, 2, 3, 4
- Chương II. Nghĩa vụ, quyền của cán bộ, công chức (Điều 8, 9, 11, 12, 13, 14); Đạo đức văn hóa, giao tiếp (Điều 15, 16, 17); Những việc công chức không được làm (Điều 18, 19, 20).

III. Luật Phòng, chống tham nhũng:

Phạm vi điều chỉnh (Điều 1); Các hành vi tham nhũng (Điều 3); Nguyên tắc xử lý (Điều 4); Trách nhiệm cơ quan, tổ chức, cá nhân (Điều 5).

IV. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015

Gồm các Điều 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 26, 27, 28, 29.

V. Cải cách hành chính:

- Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.

- Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức”.

- Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế triển khai chương trình trọng điểm năm 2017 về đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính.

VI. Soạn thảo văn bản:

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015.

- Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH

Chuyên ngành: Ngoại vụ

(Ban hành kèm theo Quyết định số **127/QĐ-HĐTD** ngày **25/7/2017**
của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)



1. Pháp lệnh số 33/2007/PL-UBTVQH11 của UBTVQH ngày 20/4/2007 về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế, gồm: Điều 2, Chương I và mục 4, chương II);
2. Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về hội nhập quốc tế;
3. Nghị định số 73/CP ngày 30/7/1994 quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam;
4. Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ Quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài;
5. Thông tư liên tịch 02/2015/TTLT-BNG-BNV ngày 28/6/2015 của Bộ Ngoại giao và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
6. Quyết định số 3287/QĐ-BNG ngày 31/8/2016 của Bộ Ngoại giao về việc ban hành mẫu một số văn bản giao dịch đối ngoại của địa phương;
7. Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ;
8. Quyết định số 22/QĐ-SNgV ngày 15/4/2016 của Giám đốc Sở Ngoại vụ về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm và cơ cấu tổ chức của Phòng Hợp tác Quốc tế.



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH

Chuyên ngành: Tư pháp

(Ban hành kèm theo Quyết định số **127/QĐ-HĐTD** ngày **25/7/2017**

của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)

1. Luật Hộ tịch 2014 số 60/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014, gồm: Chương I, Chương II, III, IV;
2. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, gồm: Chương I, II, VIII, IX, X và Chương XIII);
3. Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
4. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, gồm: Chương I, II; Mục 1 Chương IV; Tiểu mục 3, Tiểu mục 4 của Mục 2 Chương IV;
5. Thông tư Liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH

Chuyên ngành: Công Thương

(Ban hành kèm theo Quyết định số **127/QĐ-HĐTD** ngày **25** tháng 7 năm 2017 của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)

1. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007, gồm các Điều: 05, 06, 08, 09, 10, 15, 16, 17, 18;
2. Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03/12/2004, gồm các Điều: 04, 07, 08, 09; từ Điều 38 đến Điều 46, Điều 65, 66; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2014;
3. Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;
4. Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;
5. Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
6. Nghị định số 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;
7. Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử;
8. Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2012 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hoá;
9. Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, gồm các Điều: 04, 05, 07, 08, 12, 13, 16;
10. Nghị định số 178/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm;
11. Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Công Thương và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;
12. Thông tư liên tịch số 34/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 27/10/2015 của Bộ Công Thương và Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Quản lý thị trường;
13. Thông tư số 40/2012/TT-BCT ngày 21/12/2012 của Bộ Công Thương quy định cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
14. Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
15. Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Thừa Thiên Huế;
16. Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Thừa Thiên Huế.




DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH


Chuyên ngành: Tài chính

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-HĐTD ngày 25/7/2017
của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)*

1. Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;
2. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
3. Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
4. Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;
5. Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;
6. Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
7. Thông tư Liên tịch số 220/2015/TTLT-BTC-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.


**DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH**
Chuyên ngành: Văn phòng
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-HĐTD ngày 25/7/2017
của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)*

1. Luật Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 16/6/2015;
2. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015;
3. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
4. Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư; Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư;
 - Quản lý văn bản đến, văn bản đi của cơ quan, tổ chức (Mục 1, 2, Chương III).
 - Nội dung việc lập hồ sơ hiện hành và yêu cầu đối với hồ sơ được lập (Điều 21).
 - Quản lý và sử dụng con dấu trong cơ quan, tổ chức (Mục IV, chương III).
5. Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ;
6. Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ về Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
7. Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ về Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
8. Thông tư số 07/2012/TT-BNV ngày 22/11/2012 của Bộ Nội vụ về việc quản lý văn bản, lập hồ sơ nộp lưu hồ sơ tài liệu vào lưu trữ cơ quan.



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
Chuyên ngành: Kế hoạch và Đầu tư
(Ban hành kèm theo Quyết định số **127/QĐ-HĐTD** ngày **25/7/2017**
của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)

1. Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
2. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
3. Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư;
4. Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/09/2015 của Chính Phủ về Đăng ký doanh nghiệp;
5. Nghị định số 96/2016/NĐ-CP của Chính Phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;
6. Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
7. Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn Đăng ký doanh nghiệp;
8. Quyết định số 10/2007/QĐ-TTG ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Hệ thống ngành Kinh tế Việt Nam;
9. Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10 tháng 04 năm 2007 của Bộ Kế hoạch về việc ban hành Quy định nội dung Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam;
10. Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định, trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;
11. Quyết định số 57/2016/QĐ-UBND ngày 20/8/2016 của UBND tỉnh ban hành về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế;
12. Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của UBND tỉnh về ban hành quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
Chuyên ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
(Ban hành kèm theo Quyết định số **127/QĐ-HĐTD** ngày **25/7/2017**
của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)

1. Luật Bảo vệ và Phát triển rừng số 29/2004/QH11 ngày 03/12/2004;
2. Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;
3. Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/11/2010 của Chính phủ Quy định về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng;
4. Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;
5. Nghị định số 09/2006/NĐ-CP ngày 16/01/2006 của Chính phủ Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng;
6. Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi;
7. Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi;
8. Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;
9. Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đê điều;
10. Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
11. Thông tư Liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện;
12. Quyết định số 83/2007/QĐ-BNN ngày 04/10/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nhiệm vụ công chức Kiểm lâm địa bàn cấp xã.



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH

Chuyên ngành: Khoa học và Công nghệ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-HĐTD ngày 25/7/2017 của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)

1. Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, gồm các Điều: từ Điều 01 đến Điều 06; từ Điều 19 đến Điều 32 và các Điều 37, 38, 39, 44, 45, 52, 53, 61, 76;
2. Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ, gồm các Điều: 01, 02, 03, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 37, 46, 47;
3. Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKH-CN-BNV ngày 15/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh;
4. Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 05/10/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế.



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH

Chuyên ngành: Thanh tra

(Ban hành kèm theo Quyết định số **127/QĐ-HĐTD** ngày **25/7/2017**
của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)

1. Luật Phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11 ngày 29/11/2005, gồm các Điều: 01, 02, 03, 04, 11, 44, 45, 70;
2. Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15/11/2010, gồm các Điều: 02, 03, 07, 13, 21, 24, 27, 32, 33, 37, 38, 43, 44 và 45;
3. Luật Tố cáo số 03/2011/QH13, ngày 11/11/2011 gồm các Điều: 01, 02, 08, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20, 23, 25, 27, 31, 32, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40;
4. Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13, ngày 11/11/2011 gồm các Điều: 01, 02, 03, 05, 06, 07, 08, 11, 12, 13, 17, 18, 21, 25, 29, 30, 31, 41, 44, 45, 46, 59, 60, 61, 62;
5. Nghị định số 86/2011/NĐ-CP, ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra gồm các Điều: 03, 10, 13, 16, 19, 20, 22, 23, 24, 25 và 26;
6. Khoản 1, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng số 27/2012/QH13 ngày 23/11/2012;
7. Nghị định số 75/2012/NĐ-CP, ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại gồm các Điều: 01, 05, 06, 12, 20, 21, 23, 27, 29;
8. Nghị định số 76/2012/NĐ-CP, ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo, gồm các Điều: 01, 04, 05, 11, 12, 14, 15, 16, 17, 18;
9. Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17/6/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng sửa đổi năm 2012 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/7/2013, thay thế Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20/10/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng: Điều 03;
10. Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ quy định việc thực hiện kết luận thanh tra, gồm các Điều: 04, 10;
11. Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-TTCP-BNV ngày 08/9/2014 của Thanh tra Chính phủ và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH

Chuyên ngành: Lao động, Thương binh và Xã hội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-HĐTD ngày 25/7/2017 của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)

1. Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012, gồm: Chương I (từ Điều 1 đến Điều 08); Chương III (từ Điều 15 đến Điều 58); Chương VII (từ Điều 104 đến Điều 117); Chương XI và Mục I (từ điều 161 đến điều 165);
2. Luật Dạy nghề số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014, gồm: Chương I (từ Điều 1 đến Điều 9); Chương II (từ Điều 10 đến Điều 31); Chương III (từ Điều 32 đến Điều 50); Chương IV (Điều 51, 52); Chương V (từ Điều 53 đến Điều 64); Chương VII (từ Điều 71 đến Điều 74);
3. Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05/4/2016, gồm: Chương 1 (từ điều 1 đến điều 11); Chương II (từ Điều 12 đến điều 41); Chương III (từ Điều 42 đến điều 46); Chương IV (từ Điều 47 đến điều 73); Chương V (từ Điều 74 đến điều 78); Chương VI (từ Điều 79 đến điều 102); Chương VII (từ Điều 103 đến điều 106);
4. Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013 và Nghị định số 88/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, Bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
5. Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 qui định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tiền lương;
6. Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;
7. Nghị định số 144/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 về Quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ chăm sóc trẻ em;
8. Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 Quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em;
9. Nghị định 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về việc qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người cao tuổi;
10. Nghị định 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;
11. Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 02/10/2015 của Liên Bộ Lao động - TB&XH và Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý Nhà nước của UBND cấp xã về lao động, người có công và xã hội.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH



Chuyên ngành: Tài nguyên và Môi trường

(Ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-HĐTD ngày 25/7/2017 của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)

1. Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
2. Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
3. Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;
4. Luật Tài nguyên, môi trường Biển và Hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25/6/2015;
5. Luật Khí tượng Thủy văn số 90/2015/QH13 ngày 23/11/2015;
6. Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;
7. Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH 12 ngày 13/11/2008;
8. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
9. Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
10. Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
11. Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
12. Nghị định 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều Luật Khí tượng thủy văn;
13. Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều Luật Tài nguyên, môi trường Biển và Hải đảo;
14. Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều Luật Khoáng sản;
15. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều Luật Tài nguyên nước;
16. Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đa dạng sinh học;
17. Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV 28/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ về hướng dẫn, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tài nguyên và Môi trường các quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh.




DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH

Chuyên ngành: Nội vụ


(Ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-HĐTD ngày 25/7/2017
của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (Điều 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 20, 21, 22, 23, 24, 27, 28, 29, 30, 31, 34, 35, 36);
2. Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức;
3. Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;
4. Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức (Điều 1, 2, 6, 11);
5. Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức (Điều 3, 4, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 35, 36, 37, 45);
6. Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (Điều 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 13,14);
7. Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, quản lý, sử dụng viên chức (Điều 1, 2, 3, 4, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 20, 21, 22, 23, 24, 29, 30, 38, 39, 41, 42);
8. Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ Quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
9. Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính;
10. Thông tư số 15/2014/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
11. Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 09/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ.



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
Chuyên ngành: Du lịch
(Ban hành kèm theo Quyết định số **127/QĐ-HĐTD** ngày **25/7/2017**
của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)

1. Luật Du lịch số 44/2005/QH11 ngày 14/6/2005 gồm các Điều: 04, 08, 10, 12, 13, 20, 21, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 79; Mục 2, Mục 3 (từ Điều 43 đến Điều 60); Chương VII (từ Điều 72 đến Điều 78);
2. Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;
3. Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2030;
4. Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 08/11/2016 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về phát triển du lịch, dịch vụ Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;
5. Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Sở Du lịch;
6. Quyết định số 50/QĐ-SDL ngày 23/8/2016 của Sở Du lịch Thừa Thiên Huế về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Sở Du lịch;
7. Quyết định số 52/QĐ-SDL ngày 23/8/2016 của Sở Du lịch Thừa Thiên Huế về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Quản lý Lễ hành.



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
Chuyên ngành: Y tế
(Ban hành kèm theo Quyết định số **127/QĐ-HĐTD** ngày **25/7/2017**
của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)

1. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân ngày 30/6/1989 (Điều 3, 4, 48, 53);
2. Luật Khám, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009 (Điều 2, 5, 6, 18, 29);
3. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010(Điều 2, 3, 4, 5, 6);
4. Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;
5. Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg ngày 30/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống Y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 (Điều 1, Phần 3, 4);
6. Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020;
7. Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH

Chuyên ngành: Xây dựng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-HĐTD ngày 25/7/2017 của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)

1. Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, gồm các Điều: 52, 53, 54, 55, 62, 63, 64, 65, 66, 70, 73, 74, 75, 89, 91, 92, 93, 94, 95, 102, 103, 107, 108, 109, 113, 121;
2. Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, gồm các Chương: II, III, IV, V;
3. Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, gồm các Điều: 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 18, 19, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 40, 148;
4. Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
5. Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30/10/2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ;
6. Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình, gồm các Điều: 4, 5, 12, 16, 17;
7. Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, gồm các Điều: 2, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH

Chuyên ngành: Văn hóa và Thể thao

(Ban hành kèm theo Quyết định số **127/QĐ-HĐTD** ngày **25/7/2017**
của Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh)



1. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;
2. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 ngày 22 tháng 11 năm 2007, gồm các Điều: 1, 2, 3, 5;
3. Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006, gồm các Điều: 4, 6, 10;
4. Điều 4 của Luật Di sản Văn hóa năm 2001, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;
5. Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa, gồm Điều 2 và Điều 3;
6. Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng, gồm các Điều: 3, 17, 18, 19, 20, 21;
7. Điểm đ, khoản 6, điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các Quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
8. Điều 27, Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005; khoản 8, Điều 1, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 36/2009/QH12 ngày 19/06/2009;
9. Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao;
10. Nghị định số 79/2012/NĐ-CP, ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, gồm các Điều: 4, 5, 6;
11. Khoản 1, Điều 1, Nghị định 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP;
12. Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2020”;
13. Quyết định số 629/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030”;

14. Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

15. Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 26 tháng 6 năm 2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục - thể thao đến năm 2020;

16. Quyết định 38/2013/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 09 năm 2013 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt Đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

17. Đề án Xây dựng nếp sống văn minh đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013 - 2015, định hướng đến năm 2020 (*Ban hành kèm theo Quyết định số 1544/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 8 năm 2013 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế*);

18. Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt Quy hoạch thiết chế Văn hóa tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.